

Th i gian : 28-29-30/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P SINH HO T	MÃ L P KHÓA LU N	I M GVHD	I M GVPB	I M C A CÁC THÀNH VIÊN H			I M TBC H	I M T NG K T		GHI CHÚ
							25%	25%	CT	TK	UV	50%	I M S	I M CH	
1	172348271	Tr n Minh D	Th o	02/03/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8.1	8.5	8.5	8.0	8.3	8.4	Tám Ph y B n	
2	172526977	Lê	Thanh	17/01/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.9	8.5	8.5	8.0	8.0	8.2	8.5	Tám Ph y N m	
3	172526979	Lê Hu nh Hi n	Th o	10/06/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7.9	8.0	7.5	7.8	7.8	8.1	Tám Ph y M t	
4	172526954	ng Hoàng Chi	Na	15/06/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	6.5	7.0	7.0	7.5	7.2	7.5	B y Ph y N m	
5	172526945	Tr n Th	L ch	28/06/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	6	7.5	8.0	8.0	7.8	7.7	B y Ph y B y	
6	172526913	Hà Hoàng	Anh	25/08/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8	8.5	8.5	9.0	8.7	8.6	Tám Ph y Sáu	
7	172526971	Phan Th Nguy t	S ng	07/11/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.5	7	8.5	8.6	8.5	8.5	8.1	Tám Ph y M t	
8	172526992	Phùng Th Minh	Trang	08/02/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8	8.5	8.5	9.0	8.7	8.6	Tám Ph y Sáu	
9	172526938	ng Th Thanh	Hoa	28/08/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7.5	8.5	8.9	9.0	8.8	8.5	Tám Ph y N m	
10	172526981	Nguy n Tr n Bích	Th o	11/10/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.7	8.5	8.0	8.5	9.0	8.5	8.6	Tám Ph y Sáu	
11	172526980	Tr n Th Ph ng	Th o	03/05/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.8	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.8	Tám Ph y Tám	
12	172528876	Lê Ly	Ly	14/08/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8.5	8.0	8.5	8.5	8.3	8.5	Tám Ph y N m	
13	172526926	Nguy n Hà	Giang	05/03/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7	8.5	8.5	8.0	8.3	8.2	Tám Ph y Hai	
14	172526915	Bùi Minh Thiên	Anh	20/04/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.6	6	7.5	7.5	7.5	7.5	7.4	B y Ph y B n	
15	172526930	Phan Thanh	H i	30/08/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9.3	7.5	7.5	8.0	8.0	7.8	8.1	Tám Ph y M t	
16	172526939	D ng Xuân	Hoài	01/09/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	9	8.5	8.5	8.0	8.3	8.7	Tám Ph y B y	
17	172526951	Tr n Th	L c	11/06/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.8	9	8.5	9.5	8.7	8.9	8.9	Tám Ph y Chín	
18	172526987	Tr n Th Hoài	Thu	24/03/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	9	8.5	8.8	8.0	8.4	8.7	Tám Ph y B y	
19	172526957	Nguy n Th	Nga	26/06/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.8	9	9.2	8.6	8.5	8.8	8.9	Tám Ph y Chín	
20	172526959	Phan Th Bích	Ng c	15/02/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9.5	9.5	9.5	9.5	9.0	9.3	9.4	Chín Ph y B n	
21	172526920	Nguy n Tr ng	ng	20/01/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.5	7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	B y Ph y Chín	
22	172526948	Phan Nh t	Linh	13/03/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8.2	9.5	9.0	8.5	9.0	8.8	Tám Ph y Tám	
23	172526916	Lê Th Ng c	Anh	27/02/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.3	8.5	8.0	8.0	7.9	8.0	8.2	Tám Ph y Hai	
24	172526941	H a Th Lan	H ng	21/03/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Tám	
25	172526988	Vô Th y	Th ng	30/03/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	9	9.0	8.8	8.5	8.8	8.9	Tám Ph y Chín	
26	172526914	Tr nh Tr n Công	Anh	17/01/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8.5	9.0	8.9	8.0	8.6	8.7	Tám Ph y B y	
27	172526953	Lê Th Di m	My	01/12/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	8.1	7.5	8.0	7.0	7.5	8.0	Tám	
28	172526924	Ph m Th Ng c	Dung	15/02/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7.5	7.8	8.0	7.5	7.8	8.0	Tám	
29	172526923	Lê Tr ng	nh	11/01/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7.7	8.0	7.8	7.5	7.8	8.1	Tám Ph y M t	
30	172526950	oàn Ng c Thành	L c	12/04/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9.5	8.5	8.5	8.5	8.3	8.4	8.7	Tám Ph y B y	
31	172526933	Nguy n Th M	H nh	19/02/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	9	8.1	8.1	7.9	8.0	8.5	Tám Ph y N m	
32	172526952	Hu nh Th Ki u	My	02/03/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	9	7.8	7.9	7.9	7.9	7.9	8.2	Tám Ph y Hai	
33	172526935	Hu nh Tr ng	H u	13/04/1992	K17PSU_QNH	MGT449 D	8.7	8.2	7.7	7.7	7.7	7.7	8.1	Tám Ph y M t	
34	172526965	Lê Th Hoàng	Oanh	14/04/1993	K17PSU_QNH	MGT449 D	9.7	9	8.5	8.5	8.2	8.4	8.9	Tám Ph y Chín	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015
NG I L P
KI M TRA
LÃNH O KHOA
PHÒNG ÀO T O H & S H
Nguy n H ng Giang
TS. Nguy n Phi S n

Th i gian : 26-27/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P SINH HO T	MÃ L P KHÓA LU N	I M		I M C A CÁC			I M TBC H	I M T NG K T		GHI CHÚ
							GVHD 25%	GVPB 25%	THÀNH VIÊN H	CT	TK		UV	50%	
1	172336880	Phan Hoàng Ng c	Y n	18/04/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.3	9.3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.2	Tám Ph y Hai	
2	172336864	Nguy n Minh	T n	02/06/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	7.7	7	7.0	6.5	6.5	6.7	7.0	B y	
3	172336857	ào Th Thu	Nga	21/12/1992	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.7	9	9.0	8.8	8.5	8.8	9.1	Chín Ph y M t	
4	172336849	Tr n Th Th o	Hi n	28/10/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.3	9	7.0	7.0	7.0	7.0	7.8	B y Ph y Tám	
5	172338211	Lê Th Thanh	Th o	22/03/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	7.8	7	8.0	7.5	7.3	7.6	7.5	B y Ph y N m	
6	172336856	Hoàng Th H ng	Lam	02/10/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.2	8.3	8.0	8.5	8.5	8.3	8.5	Tám Ph y N m	
7	172336848	Tr n B o Giang	Hà	20/06/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.3	7.5	9.0	9.0	8.0	8.7	8.3	Tám Ph y Ba	
8	172336867	Võ Th Ph ng	Th o	16/06/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.6	8	7.5	7.5	7.0	7.3	7.8	B y Ph y Tám	
9	172336877	Doãn Lê Thanh	Tú	02/10/1992	K17PSU_QTH	MGT449 F	9	7	7.5	7.5	7.5	7.5	7.8	B y Ph y Tám	
10	172336870	Ngô Lê Hoài	Th ng	25/05/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.8	8	7.0	7.5	8.0	7.5	8.0	Tám	
11	172336845	Nguy n Hùng	C ng	05/05/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.6	7.3	7.0	7.0	6.5	6.8	7.4	B y Ph y B n	
12	172336855	Võ Th Thanh	H ng	04/06/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.4	Tám Ph y B n	
13	172336863	Nguy n Bình	Tân	30/09/1991	K17PSU_QTH	MGT449 F	9	8.8	7.5	8.0	8.0	7.8	8.4	Tám Ph y B n	
14	172336866	Bùi Th Ng c	Th o	21/12/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.3	8.5	6.5	7.0	6.5	6.7	7.6	B y Ph y Sáu	
15	172336865	Ph m Thanh	Thái	08/12/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	7.4	8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	B y	
16	161325865	Tr n V n	Ti n	30/08/1992	D19PSU-QTH	MGT449 F	9.3	7	8.0	7.5	7.5	7.7	7.9	B y Ph y Chín	
17	172336874	Nguy n Lê Bá	Trình	10/10/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9	8	7.0	7.0	6.5	6.8	7.7	B y Ph y B y	
18	172336852	Tr ng Anh	Hoàng	01/01/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	7.2	7.5	6.5	7.5	7.0	7.0	7.2	B y Ph y Hai	
19	172336858	Võ Ng c Th o	Nguyễn	10/10/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.2	9	7.0	7.0	6.5	6.8	8.0	Tám	
20	172336847	Hoàng Công	t	01/09/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	8.6	8.5	8.0	8.5	8.5	8.3	8.4	Tám Ph y B n	
21	162333797	Tr n Th Ph c	Thi n	08/12/1992	K16PSUQTH	MGT449 F	8.3	8	7.5	7.5	7.5	7.5	7.8	B y Ph y Tám	
22	172336860	Hu nh T n	Phát	14/12/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	7	7.5	6.5	6.0	6.0	6.2	6.7	Sáu Ph y B y	
23	172336862	Hoàng N Khánh	Qu nh	04/07/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.5	8.8	8.5	9.0	8.8	8.8	9.0	Chín	
24	172336868	V V n	Th nh	25/05/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9	7.8	8.0	7.5	7.2	7.6	8.0	Tám	
25	172336844	Tr n Gia	B o	17/02/1993	K17PSU_QTH	MGT449 F	9.1	9	8.0	8.0	7.5	7.8	8.4	Tám Ph y B n	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015
NG I L P
KI M TRA
L N H O KHOA
PHÒNG Đ T O H & S H
Nguy n H ng Giang
TS. Nguy n Phi S n



Th i gian : 18/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P SINH HO T	MÃ L P KHÓA LU N	I M GVHD	I M GVPB	I M C A CÁC THÀNH VIÊN H			I M TBC H	I M T NG K T		GHI CHÚ
							25%	25%	CT	TK	UV	50%	I M S	I M CH	
1	172416909	Hu nh Th Bích	Trâm	10/11/1989	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.5	9	9.0	8.9	8.5	8.8	9.0	Chín	
2	172316829	Nguy n V n Thành	Quang	05/09/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9	8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
3	172526964	Th Ý	Ny	08/09/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.6	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
4	172316828	Võ Th Minh	Ph ng	10/01/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.6	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
5	172318874	Phan Thanh	Giang	17/11/1989	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	B y Ph y N m	
6	172316799	T Th Thu	Hà	26/05/1992	K17PSU_KKT	MGT449 B	9	8	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
7	172316802	Nguy n Thanh	H i	20/06/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.9	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.9	Tám Ph y Chín	
8	172316824	Ph m Th Bích	Ng c	13/03/1992	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.3	8	8.5	8.5	8.5	8.5	8.6	Tám Ph y Sáu	
9	172316831	Tr n Th Thúy	Qu nh	04/04/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.2	8.3	8.5	8.5	8.5	8.5	8.6	Tám Ph y Sáu	
10	172526928	Nguy n Y n	Hà	06/10/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.4	8	8.5	8.5	8.5	8.5	8.4	Tám Ph y B n	
11	172316798	Nguyễn	Giao	21/10/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	5.5	6	4.5	5.0	5.0	4.8	5.3	N m Ph y Ba	
12	172316804	Lê Nguy n Di u	H ng	07/01/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.6	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Tám Ph y M t	
13	172316836	Nguy n Th Th y	Tiên	01/02/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9	8	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
14	172316842	V n Th Khánh	Vy	09/04/1992	K17PSU_KKT	MGT449 B	8.8	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
15	172318873	Nguy n Th	H nh	13/05/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.1	9	8.2	8.3	8.1	8.2	8.6	Tám Ph y Sáu	
16	172316815	Nguy n Th Ng c	Linh	05/03/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.4	8.5	8.3	8.0	8.0	8.1	8.5	Tám Ph y N m	
17	172318872	oàn Ng c	Th ch	13/04/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.1	8.8	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	Chín	
18	172316835	Nguy n Nguy n Minh	Th	26/05/1993	K17PSU_KKT	MGT449 B	9.1	9	9.2	9.0	9.1	9.1	9.1	Chín Ph y M t	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PHÒNG ÀO T O H & S H

Nguy n H ng Giang

TS. Nguy n Phi S n



Th i gian : 28-29/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P SINH HO T	MÃ L P KHÓA LU N	I M GVHD	I M GVPB	I M C A CÁC THÀNH VIÊN H			I M TBC H	I M T NG K T		GHI CHÚ
							25%	25%	CT	TK	UV	50%	I M S	I M CH	
1	172416886	Tr n Th	i p	21/03/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	9	8.5	9.0	8.0	8.3	8.4	8.6	Tám Ph y Sáu	
2	172416893	Ph m Thanh	Hoàng	01/10/1993	K17PSU_DLK	TOU449 B	9.5	8.5	9.0	8.5	8.5	8.7	8.9	Tám Ph y Chín	
3	172416896	Lê ng	Khoa	30/06/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	9	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.3	Tám Ph y Ba	
4	172416901	Nguy n Th Nh	Qu nh	26/06/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	6	9.0	8.0	8.0	8.3	7.8	B y Ph y Tám	
5	172416902	Nguy n Minh	Th ng	07/07/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8	8	9.0	8.5	8.5	8.7	8.4	Tám Ph y B n	
6	172416906	Hu nh V	Th nh	19/01/1993	K17PSU_DLK	TOU449 B	9.5	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.4	Tám Ph y B n	
7	172416885	Lê Th	Chí	20/07/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
8	172416888	Lê Th M	Dung	27/07/1992	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	9	7.0	7.5	7.0	7.2	8.0	Tám	
9	172416899	Nguy n Quang Huy n	Ph ng	13/01/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	7	7.6	8.8	8.5	9.0	8.8	8.1	Tám Ph y M t	
10	172416900	Ph m Th Bích	Ph ng	30/10/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	7.8	9.5	8.5	9.5	9.2	8.7	Tám Ph y B y	
11	172416908	Hoàng B o	Trâm	26/03/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	6	7.0	8.0	8.5	7.8	7.5	B y Ph y N m	
12	172416883	Nguy n V	Bình	30/01/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.9	8.5	7.0	8.0	8.0	7.7	8.2	Tám Ph y Hai	
13	172416912	Lê Th T ng	Vy	14/05/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	7	7.0	7.5	7.0	7.2	7.5	B y Ph y N m	
14	172416892	Ph m Th	Hoàng	06/03/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.6	8	9.7	9.5	9.5	9.6	9.0	Chín	
15	172416905	Nguy n Lê Ph ng	Th o	30/04/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8	7	8.5	8.0	8.0	8.2	7.9	B y Ph y Chín	
16	172416910	V n Minh	Tu n	25/02/1993	K17PSU_DLK	TOU449 B	7.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.3	7.4	B y Ph y B n	
17	172416887	Lê Th	Dung	20/06/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	7.5	7	7.5	7.0	7.0	7.2	7.2	B y Ph y Hai	
18	172416881	H Trùng	D ng	19/08/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8	7	9.0	8.5	8.5	8.7	8.1	Tám Ph y M t	
19	172416903	Bùi Qu c	Thanh	27/07/1993	K17PSU_DLK	HOS449 B	8.5	7	7.5	7.5	7.0	7.3	7.5	B y Ph y N m	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PHÒNG ÀO T O H & S H

Nguy n H ng Giang

TS. Nguy n Phi S n



Th i gian : 27/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P SINH HO T	MÃ L P KHÓA LU N	I M GVHD	I M GVPB	I M C A CÁC THÀNH VIÊN H			I M TBC H	I M T NG K T		GHI CHÚ
							25%	25%	CT	TK	UV	50%	I M S	I M CH	
1	1810715943	Hoàng Th Kim	Anh	13/08/1994	K18PSU_DCD	TOU399 B	9	8	8.5	8.0	8.0	8.2	8.4	Tám Ph y B n	
2	1810225079	Nguy n Lê	Châu	21/04/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	7.7	6.7	7.5	7.0	7.5	7.3	7.3	B y Ph y Ba	
3	1810715794	Tr n Th M	H ng	27/07/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	6.8	7.8	7.0	6.5	7.0	6.8	7.1	B y Ph y M t	
4	1810714581	inh Th	Hoa	25/04/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.8	6	8.0	7.0	8.0	7.7	7.6	B yPh y Sáu	
5	1810714588	Phan Nguy n Minh	Tuy n	20/11/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.1	7.5	8.5	8.0	8.0	8.2	8.0	Tám	
6	171446686	Lê Th Ng c	Huy n	10/11/1993	K17PSU_DCD	HOS399 B	8	8	8.2	8.5	8.0	8.2	8.1	Tám Ph y M t	
7	1810715057	Tr n Th Di u	Hi n	03/01/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	8	6.5	6.0	6.5	6.0	6.2	6.7	Sáu Ph y B y	
8	1810715944	Ngô Nh	Ng c	07/07/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.5	9	7.3	7.5	7.0	7.3	8.0	Tám	
9	1810713762	Bùi Th Tuy t	Qua	27/07/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	9	8	7.9	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
10	1810716386	Phan Th Hoài	Th ng	12/10/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.8	7.8	7.0	8.0	7.5	7.5	7.9	B y Ph y Chín	
11	171446715	Tr n Th Trúc	Ph ng	17/09/1993	K17PSUDCD	HOS399 B	8.1	8	7.0	7.5	7.5	7.3	7.7	B y Ph y B y	
12	1811713943	Nguy n Duy	Hi u	01/11/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	7.3	7.8	6.0	6.5	6.5	6.3	6.9	Sáu Ph y Chín	
13	1810715542	Nguy n Th Thu	H ng	27/08/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8	8.9	6.5	6.5	7.0	6.7	7.6	B yPh y Sáu	
14	1810713948	Tr n Th Kim	Oanh	30/04/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8	8	7.0	7.0	6.0	6.7	7.4	B y Ph y B n	
15	1810715056	Tr n Th Thu	Thanh	04/11/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.4	7.5	6.0	5.5	6.5	6.0	7.0	B y	
16	171446732	ng Vi t	Ti n	24/10/1993	K17PSUDCD	HOS399 B	7.8	7	6.5	6.0	6.5	6.3	6.9	Sáu Ph y Chín	
17	1810715541	Tr n Xuân	Liên	12/02/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	8.5	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	Tám Ph y Ba	
18	1811715053	Nguy n Ph c	Nh t	03/07/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	6	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	7.9	B y Ph y Chín	
19	1810714602	Nguy n Ng c Minh	Tâm	08/06/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	6.5	8	7.0	7.0	7.5	7.2	7.2	B y Ph y Hai	
20	1810715545	Nguy n ào Qu nh	Tiên	29/11/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	9	8	8.0	7.5	8.0	7.8	8.2	Tám Ph y Hai	
21	1810716497	Tr n Th Ý	Vy	14/01/1993	K18PSU_DCD	HOS399 B	6	7.8	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	Sáu Ph y N m	
22	171446700	Nguy n	Mau	13/05/1991	K17PSUDCD	HOS399 B	7.8	8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Tám	
22	1810713951	Hu nh Mai H ng	Ân	26/01/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	7.5	6	6.0	5.5	5.5	5.7	6.2	Sáu Ph y Hai	
23	1810214495	Nguy n Th Kim	Duyên	22/06/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	7.8	8	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	B y	
24	1810715055	Hu nh Ki u	Th o	18/02/1994	K18PSU_DCD	TOU399 B	8.9	8.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.6	B yPh y Sáu	
25	1810715939	Nguy n Th Thùy	Trang	23/02/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	7.7	8	9.0	8.5	8.5	8.7	8.3	Tám Ph y Ba	
26	1810715548	Hu nh Bá Th o	Uyên	28/10/1994	K18PSU_DCD	HOS399 B	7	4	6.0	5.5	5.5	5.7	5.6	N m Ph y Sáu	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PHÒNG Đ T O H & S H

Nguy n H ng Giang

TS. Nguy n Phi S n